

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY
DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT
TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 94 / CBTT-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP VLXD & TTNT TP. HCM thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng và Trang trí nội thất Thành phố Hồ Chí Minh (CMID)

- Mã chứng khoán: CMD
- Địa chỉ: 215-217 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại liên hệ/Tel: (028) 39205104 Fax: (028) 38369434
- Email: cmidvldx@gmail.com Website: www.cmid.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2024
 BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 15/08/2024 tại đường dẫn: www.cmid.com.vn

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Tài liệu đính kèm:

- BCTC Bán niên 2024 đã
soát xét



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Phải



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG
VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

| Nội dung | Trang |
|---|----------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 02 – 03 |
| Báo cáo kết quả công tác soát xét | 04 – 05 |
| Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét | 06 – 35 |
| <i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024</i> | <i>06 – 07</i> |
| <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i> | <i>08</i> |
| <i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i> | <i>09 – 10</i> |
| <i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i> | <i>11 – 35</i> |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật Liệu Xây Dựng và Trang Trí Nội Thất Thành Phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được soát xét.

Khái quát

Công ty Cổ phần Vật Liệu Xây Dựng và Trang Trí Nội Thất Thành Phố Hồ Chí Minh được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1286/QĐ-TTG ngày 28 tháng 09 năm 2001 của Thủ tướng chính phủ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000762 ngày 31/12/2001 và các Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp thay đổi số 0302495140 từ lần thứ nhất đến lần thứ 15. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp thay đổi mới nhất là số 15 đề ngày 15/04/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh các loại vật liệu xây dựng. Sửa chữa và trang trí nội thất. Xây dựng dân dụng, công nghiệp và san lấp mặt bằng các công trình.
- Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng.
- Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua. Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua. Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại. Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 215-217 đường Trần Hưng Đạo, phường Cô Giang, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 35).

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|-----------------------|--------------|
| Ông Trương Minh Tuyên | Chủ tịch |
| Ông Lê Văn Phải | Phó Chủ tịch |
| Ông Thái Thanh Sơn | Thành viên |
| Ông Huỳnh Ngọc Khánh | Thành viên |
| Bà Lê Kim Trinh | Thành viên |

Ban Tổng Giám Đốc

| | | |
|----------------------|-------------------|---------------------|
| Ông Lê Văn Phải | Tổng Giám đốc | |
| Ông Thái Thanh Sơn | Phó Tổng Giám đốc | đến ngày 01/07/2024 |
| Ông Huỳnh Ngọc Khánh | Phó Tổng Giám đốc | |

Ban Kiểm soát

| | | |
|---------------------|------------|---------------------|
| Ông Nguyễn Văn Châu | Trưởng ban | từ ngày 18/05/2024 |
| Bà Vũ Phi Bằng | Trưởng ban | đến ngày 18/05/2024 |
| Bà Võ Thị Ánh Loan | Thành viên | |
| Bà Châu Thùy My | Thành viên | |

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Văn Phải
Tổng Giám Đốc

Số: 2606.01.01/2024/BCTC-NTV2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Vật Liệu Xây Dựng và Trang Trí Nội Thất Thành Phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vật Liệu Xây Dựng và Trang Trí Nội Thất Thành Phố Hồ Chí Minh, được lập ngày 12 tháng 08 năm 2024, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT (TIẾP THEO)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của đơn vị 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán và soát xét bởi doanh nghiệp kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 26 tháng 03 năm 2024 có ý kiến của kiểm toán viên là chấp nhận toàn phần và Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ ngày 14 tháng 08 năm 2023 với kết luận của kiểm toán viên là chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNTK số: 1690-2023-124-1

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 – 217 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số | |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 284.451.349.776 | 311.509.932.662 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.01 | 34.437.979.307 | 22.682.367.949 |
| 1. Tiền | 111 | | 34.437.979.307 | 22.682.367.949 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 247.498.148.111 | 287.095.864.251 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.03 | 260.978.767.118 | 293.446.025.287 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.04 | 3.183.651.361 | 15.251.970.081 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.06a | 1.903.007.688 | 1.816.981.486 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.07 | (18.567.278.056) | (23.419.112.603) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.08 | 2.507.412.359 | 1.726.855.487 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 2.507.412.359 | 1.726.855.487 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 7.809.999 | 4.844.975 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 7.809.999 | 4.844.975 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | - | - |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 33.776.313.683 | 64.558.049.909 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 677.500.000 | 30.714.000.000 |
| 1. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | V.05 | 347.500.000 | 30.384.000.000 |
| 2. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.06b | 330.000.000 | 330.000.000 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 17.382.813.281 | 18.149.855.011 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 9.844.413.281 | 10.611.455.011 |
| - Nguyên giá | 222 | | 24.396.073.922 | 24.396.073.922 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (14.551.660.641) | (13.784.618.911) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | 7.538.400.000 | 7.538.400.000 |
| - Nguyên giá | 228 | | 7.538.400.000 | 7.538.400.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | V.12 | 10.040.699.787 | 10.292.381.286 |
| - Nguyên giá | 231 | | 14.182.634.200 | 14.182.634.200 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | (4.141.934.413) | (3.890.252.914) |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 2.401.500.000 | 2.401.500.000 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.09 | 2.401.500.000 | 2.401.500.000 |
| V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 1.935.360.000 | 1.814.400.000 |
| 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.02 | 2.888.000.000 | 2.888.000.000 |
| 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | V.02 | (952.640.000) | (1.073.600.000) |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.338.440.615 | 1.185.913.612 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 1.338.440.615 | 1.185.913.612 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 318.227.663.459 | 376.067.982.571 |

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 – 217 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 77.530.246.994 | 138.162.071.672 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 74.137.856.994 | 134.769.681.672 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.13 | 824.647.419 | 1.256.363.243 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 139.000 | 415.577.847 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.15 | 2.582.593.206 | 5.601.705.842 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 4.688.243.742 | 2.031.742.936 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.16 | 561.168.945 | 1.269.988.862 |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.17a | 12.125.188.691 | 23.435.758.810 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.14 | 50.064.035.000 | 97.428.603.400 |
| 8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi | 322 | | 3.291.840.991 | 3.329.940.732 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 3.392.390.000 | 3.392.390.000 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.17b | 3.392.390.000 | 3.392.390.000 |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 240.697.416.465 | 237.905.910.899 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.18 | 240.697.416.465 | 237.905.910.899 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 42.088.848.102 | 42.088.848.102 |
| 3. Cổ phiếu quỹ | 415 | | (55.823.611.800) | (55.823.611.800) |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 24.907.742.820 | 23.583.963.143 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 79.524.437.343 | 78.056.711.454 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 64.187.517.342 | 44.962.219.531 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 15.336.920.001 | 33.094.491.923 |
| II. Nguồn kinh phí | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 318.227.663.459 | 376.067.982.571 |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu/ Kế toán trưởng

Phạm Thị Bắc Giang



Tổng Giám đốc

Lê Văn Phải

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 – 217 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-------|-------------|-----------------------------------|-----------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.01 | 345.407.533.987 | 502.422.414.948 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 345.407.533.987 | 502.422.414.948 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.02 | 307.250.927.181 | 446.946.364.506 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 38.156.606.806 | 55.476.050.442 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.03 | 2.865.498.654 | 5.128.587.540 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.04 | 2.442.376.656 | 2.476.074.496 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 2.563.336.656 | 3.360.594.496 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.05 | 16.505.885.176 | 24.847.544.402 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.06 | 2.229.309.513 | 10.814.075.868 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 19.844.534.115 | 22.466.943.216 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.07 | 148.015.139 | 124.252.947 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.08 | 789.423.958 | 1.051.793.990 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (641.408.819) | (927.541.043) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 19.203.125.296 | 21.539.402.173 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.10 | 3.866.205.295 | 4.541.529.335 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 15.336.920.001 | 16.997.872.838 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.11 | 1.312 | 1.454 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.11 | 1.312 | 1.454 |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu/ Kế toán trưởng

Phạm Thị Bắc Giang



Tổng Giám đốc

Lê Văn Phải

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 – 217 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------|-------------|-----------------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 19.203.125.296 | 21.539.402.173 |
| 2. Điều chỉnh các khoản | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT | 02 | | 1.018.723.229 | 1.018.723.226 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | (4.972.794.547) | 2.892.777.605 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (1.255.646.568) | (3.333.933.445) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 2.563.336.656 | 3.360.594.496 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 16.556.744.066 | 25.477.564.055 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 45.670.097.687 | (44.936.219.220) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (780.556.872) | (1.147.206.150) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp) | 11 | | (689.489.220) | 2.745.231.515 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (155.492.027) | (84.177.167) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (2.609.511.999) | (3.330.756.140) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (5.107.634.769) | (4.857.071.407) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | (1.363.514.176) | (1.074.461.712) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 51.520.642.690 | (27.207.096.226) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | - | - |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | (10.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 30.036.500.000 | 112.000.000 |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 35.099.568 | 40.672.445 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 30.071.599.568 | (9.847.327.555) |

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 – 217 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------|-------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 57.047.561.008 | 110.599.980.999 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (104.412.129.408) | (74.117.368.499) |
| 5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (22.472.062.500) | (11.573.850) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (69.836.630.900) | 36.471.038.650 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | 11.755.611.358 | (583.385.131) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 22.682.367.949 | 21.763.861.550 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | | 34.437.979.307 | 21.180.476.419 |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu/ Kế toán trưởng


Phạm Thị Bắc Giang



Tổng Giám đốc


Lê Văn Phải

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 – 217 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vật Liệu Xây Dựng và Trang Trí Nội Thất Thành Phố Hồ Chí Minh được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1286/QĐ-TTG ngày 28 tháng 09 năm 2001 của Thủ tướng chính phủ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000762 ngày 31/12/2001 và các Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp thay đổi số 0302495140 từ lần thứ nhất đến lần thứ 15. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp thay đổi mới nhất là số 15 đề ngày 15/04/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 215-217 đường Trần Hưng Đạo, phường Cô Giang, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh: thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh chính:

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh các loại vật liệu xây dựng. Sửa chữa và trang trí nội thất. Xây dựng dân dụng, công nghiệp và san lấp mặt bằng các công trình.

- Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng.

- Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua. Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua. Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại. Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 48 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 55 nhân viên).

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán để lập báo cáo tài chính như sau:

| Tên | Địa chỉ |
|--|---|
| Chi nhánh Bình Dương | 163 Thích Quảng Đức, P. Phú Cường, Bình Dương |
| Chi nhánh Long An | Áp 1, xã Tân Ân, Huyện Cần Đước, Long An |
| TT kinh doanh VLXD và TTNT số 1 | 397 Lý Thường Kiệt, P.8, Quận Tân Bình, TP. HCM |
| TT kinh doanh VLXD và nhiên liệu số 7 | 28 Tân Phước, P.8, Quận Tân Bình, TP. HCM |
| TT kinh doanh VLXD và TTNT số 9 | 19 Đông Sơn, P.7, Quận Tân Bình, TP. HCM |
| TT kinh doanh VLXD và nhiên liệu số 10 | 28 Tân Phước, P.8, Quận Tân Bình, TP. HCM |

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 – 217 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

- Trường hợp hợp đồng không quy định cụ thể tỷ giá thanh toán:

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 – 217 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

+ Đối với nợ phải thu: Tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với nợ phải trả: Tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được xác định theo nguyên tắc sau:

+ Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: Tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

+ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm sau khi được bù trừ chênh lệch tăng với chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4. Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 – 217 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác. Khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được trích lập theo quy định hiện hành.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

• Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

• Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

7. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | |
|------------------------|-------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 20 - 30 năm |
| Máy móc thiết bị | 06 năm |
| Phương tiện vận tải | 06 năm |

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất là lâu dài nên không trích khấu hao.

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 – 217 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc

20 - 30 năm

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

9. Chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ vay

Các khoản nợ vay tại thời điểm báo cáo:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là vay ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là vay dài hạn.

Trường hợp khoản nợ vay bằng ngoại tệ thì tại thời điểm cuối năm các khoản nợ vay có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 – 217 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 – 217 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; Chi phí vay vốn; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, hội nghị khách hàng...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 – 217 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

19. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 – 217 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THỐNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 1.286.746.176 | 1.689.123.845 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 33.151.233.131 | 20.993.244.104 |
| Cộng | 34.437.979.307 | 22.682.367.949 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

- Đầu tư cổ phiếu Công ty CP Xi măng VICEM Hà Tiên (HTI)

Cộng

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|----------------|----------------------|----------------|----------------------|
| | Số lượng (CP) | Giá trị (VND) | Số lượng (CP) | Giá trị (VND) |
| | 151.200 | 2.888.000.000 | 151.200 | 2.888.000.000 |
| | 151.200 | 2.888.000.000 | 151.200 | 2.888.000.000 |
| | | (952.640.000) | | (1.073.600.000) |
| | | 1.935.360.000 | | 1.814.400.000 |

Đơn vị tính: VND

Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác (*)

Giá trị thuần

(*) Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn căn cứ vào giá đóng của tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 của cổ phiếu HTI là 12.800 đồng/CP.

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

Công ty TNHH Bê Tông Hoàng Sở

Công ty TNHH XD - TM - DV Hoàng Sở

Công ty CP Quản lý và Khai Thác Cảng Quốc tế Long An

Công ty CP Sản Xuất Thương Mại Sài Gòn

Công ty CP Bê Tông Ly Tâm Thủ Đức I

Phải thu các đối tượng khác

Cộng

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| | 6.530.738.016 | 9.520.309.600 |
| | 16.799.025.546 | 13.717.096.255 |
| | 25.964.983.260 | 33.294.492.440 |
| | 11.969.378.340 | 22.200.212.400 |
| | 20.086.448.403 | 16.831.631.520 |
| | 179.628.193.553 | 197.882.283.072 |
| | 260.978.767.118 | 293.446.025.287 |

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 – 217 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|----------------------|-----------------------|
| Công ty Xi Măng Nghi Sơn - CN TP.HCM | 1.202.936.298 | 11.064.178.401 |
| CN Công ty CP Xi Măng Thăng Long | - | 1.428.307.171 |
| Công ty CP Xi Măng Hà Tiên I | 624.794.359 | 639.048.311 |
| Trả trước cho người bán khác | 1.355.920.704 | 2.120.436.198 |
| Cộng | 3.183.651.361 | 15.251.970.081 |

| 5. Phải thu cho vay | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|----------------------------------|--------------------|-----------------------|
| Phải thu cho vay dài hạn | | |
| Công ty TNHH XD DV TM Hưng Thành | - | 30.000.000.000 |
| Ông Nguyễn Phương Tuấn (*) | 122.000.000 | 136.000.000 |
| Ông Nguyễn Tùng Sơn (*) | 225.500.000 | 248.000.000 |
| Cộng | 347.500.000 | 30.384.000.000 |

(*) Là tiền cho các cá nhân là cán bộ, công nhân viên vay theo hợp đồng hỗ trợ vốn với thời gian hỗ trợ là 36 tháng, lãi suất thỏa thuận trên cơ sở lãi suất cho vay của ngân hàng thương mại.

| 6. Phải thu khác | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|
| a/ Ngắn hạn | | |
| Tạm ứng | 67.552.709 | 367.552.709 |
| Ký quỹ, ký cược ngắn hạn | - | - |
| Phải thu lãi hợp tác đầu tư | 1.220.547.000 | - |
| Phải thu các đối tượng khác | 614.907.979 | 1.449.428.777 |
| Cộng | 1.903.007.688 | 1.816.981.486 |
| b/ Dài hạn | | |
| Ký quỹ, ký cược dài hạn | 330.000.000 | 330.000.000 |
| Cộng | 330.000.000 | 330.000.000 |

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 – 217 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | | Đơn vị tính: VND |
|----------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | |
| 7. Nợ xấu | | | | | |
| Công ty TNHH Lâm Gia Khang | 651.274.000 | - | 651.274.000 | - | 865.476.000 |
| Nguyễn Thanh Tuấn | 2.475.139.323 | - | 2.475.139.323 | - | 2.534.367.523 |
| Công ty CP Tân Hoàn Cầu | 2.560.262.997 | - | 2.560.262.997 | - | 2.560.262.997 |
| Công ty CP QL&KT Cảng QT Long An | 4.583.887.480 | 3.208.721.236 | 1.375.166.244 | 9.727.697.868 | 4.169.013.372 |
| Các khách hàng khác | 23.529.191.838 | 12.023.756.346 | 11.505.435.492 | 27.682.225.462 | 13.289.992.711 |
| Cộng | 33.799.755.638 | 15.232.477.582 | 18.567.278.056 | 47.539.043.222 | 23.419.112.603 |

(*) Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng căn cứ theo tuổi nợ của khoản nợ xấu như quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC.

| | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | | Đơn vị tính: VND |
|-----------------|----------------------|----------|----------------------|----------|------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng | |
| 8. Hàng tồn kho | | | | | |
| Hàng hóa | 2.507.412.359 | - | 1.726.855.487 | - | - |
| Cộng | 2.507.412.359 | - | 1.726.855.487 | - | - |

9. Xây dựng cơ bản dở dang

Công trình nhà kho Bà Nhờ - Cần Đức - Long An (*)

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-------------|----------------------|----------------------|
| Cộng | 2.401.500.000 | 2.401.500.000 |

(*) Là khoản tiền mua đất làm nhà kho chưa hàng hóa của Công ty. Hiện nay đang vướng thủ tục pháp lý nên việc sang tên cho Công ty không thực hiện được, do đó Công ty có Nghị quyết HĐQT cho Ông Lê Văn Phái làm đại diện đứng tên quyền sử dụng đất nêu trên.

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 – 217 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | | | |
|--|---------------------------|---------------------|------------------------------------|-----------------------|
| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Tổng cộng |
| 10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình | | | | |
| Nguyên giá TSCĐ hữu hình | | | | |
| Số dư đầu năm | 13.866.892.973 | 913.075.496 | 9.616.105.453 | 24.396.073.922 |
| Số tăng trong kỳ | - | - | - | - |
| Số giảm trong kỳ | - | - | - | - |
| Số dư cuối kỳ | 13.866.892.973 | 913.075.496 | 9.616.105.453 | 24.396.073.922 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Số dư đầu năm | 7.690.178.099 | 896.661.352 | 5.197.779.460 | 13.784.618.911 |
| Số tăng trong kỳ | 278.660.699 | 7.575.759 | 480.805.272 | 767.041.730 |
| - <i>Khấu hao trong kỳ</i> | 278.660.699 | 7.575.759 | 480.805.272 | 767.041.730 |
| Số giảm trong kỳ | - | - | - | - |
| Số dư cuối kỳ | 7.968.838.798 | 904.237.111 | 5.678.584.732 | 14.551.660.641 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 6.176.714.874 | 16.414.144 | 4.418.325.993 | 10.611.455.011 |
| Tại ngày cuối kỳ | 5.898.054.175 | 8.838.385 | 3.937.520.721 | 9.844.413.281 |
| | | | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| - Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay: | | | 6.266.024.283 | 6.603.302.481 |
| - Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: | | | 822.166.405 | 822.166.405 |

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 – 217 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là giá trị ghi sổ của quyền sử dụng đất tại 219B Trần Hưng Đạo với diện tích 34,9 m² và nguyên giá là 7.538.400.000 đồng. Quyền sử dụng đất là lâu dài nên không trích khấu hao.

Giá trị quyền sử dụng đất nêu trên đã được thế chấp Ngân Hàng để đảm bảo các khoản vay.

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

| | Nhà cửa và vật kiến trúc | Cộng |
|--|-------------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | |
| Số dư đầu năm | 14.182.634.200 | 14.182.634.200 |
| Số tăng trong kỳ | - | - |
| Số giảm trong kỳ | - | - |
| Số dư cuối kỳ | 14.182.634.200 | 14.182.634.200 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | |
| Số dư đầu năm | 3.890.252.914 | 3.890.252.914 |
| Khấu hao trong kỳ | 251.681.499 | 251.681.499 |
| Số giảm trong kỳ | - | - |
| Số dư cuối kỳ | 4.141.934.413 | 4.141.934.413 |
| Giá trị còn lại | | |
| Tại ngày đầu năm | 10.292.381.286 | 10.292.381.286 |
| Tại ngày cuối kỳ | 10.040.699.787 | 10.040.699.787 |
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: | 10.019.508.342 | 10.266.805.404 |

(*) Bất động sản đầu tư: Là các tài sản trên đất mà Công ty đang nắm giữ để cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản này tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 do chưa tìm được đơn vị tư vấn phù hợp, Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư này trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 – 217 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Phải trả người bán**Các khoản phải trả cho người bán ngắn hạn**

| | Số cuối kỳ | | Đơn vị tính: VND | |
|---|--------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Công ty TNHH TM-DV-XD và Vận tải Mai Phương | 279.296.442 | 279.296.442 | 508.662.513 | 508.662.513 |
| Công ty TNHH Siam City Cement | 266.198.978 | 266.198.978 | - | - |
| CN Công ty CP Xi Măng Thăng Long | 252.619.199 | 252.619.199 | 747.700.730 | 747.700.730 |
| Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Mai Phương | - | - | - | - |
| Các đối tượng khác | 26.532.800 | 26.532.800 | - | - |
| Cộng | 824.647.419 | 824.647.419 | 1.256.363.243 | 1.256.363.243 |

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | | Trong kỳ | | Đơn vị tính: VND | |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Vay ngắn hạn ngân hàng (a) | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 | 21.000.000.000 | 62.000.000.000 | 56.000.000.000 | 56.000.000.000 |
| - Ngân hàng BIDV - CN TP.HCM | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 | 21.000.000.000 | 62.000.000.000 | 56.000.000.000 | 56.000.000.000 |
| Vay ngắn hạn cá nhân (b) | 35.064.035.000 | 35.064.035.000 | 36.047.561.008 | 42.412.129.408 | 41.428.603.400 | 41.428.603.400 |
| Cộng | 50.064.035.000 | 50.064.035.000 | 57.047.561.008 | 104.412.129.408 | 97.428.603.400 | 97.428.603.400 |

(a) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/96756/HĐTD ngày 15/11/2023, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay theo từng khế ước nhân nợ. Số dư nợ gốc vay ngày 30/06/2024 là 15.000.000.000 đồng. Tài sản đảm bảo khoản vay là thế chấp tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các khoản phải thu khách hàng.

(b) Vay ngắn hạn cá nhân, lãi suất vay 0,6%/tháng. Số dư nợ vay tại ngày 30/06/2024 là 35.064.035.000 đồng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 – 217 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Đơn vị tính: VND

| Phải nộp | Số đầu năm | Số phải nộp trong kỳ | Số đã nộp trong kỳ | Số cuối kỳ |
|--|----------------------|-----------------------------|---------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 1.053.664.761 | 1.494.250.712 | 2.370.886.962 | 177.028.511 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.607.634.769 | 3.866.205.295 | 5.107.634.769 | 2.366.205.295 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 940.406.312 | 1.341.021.759 | 2.242.068.671 | 39.359.400 |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | 3.264.731.559 | 3.264.731.559 | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 15.000.000 | 15.000.000 | - |
| Cộng | 5.601.705.842 | 9.981.209.325 | 13.000.321.961 | 2.582.593.206 |

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|--------------------|----------------------|
| Trích trước chi phí công trình 400 Lê Văn Thọ | 544.608.000 | 544.608.000 |
| Trích trước chi phí vận chuyển | 2.013.000 | 664.657.574 |
| Chi phí lãi vay phải trả | 14.547.945 | 60.723.288 |
| Cộng | 561.168.945 | 1.269.988.862 |

17. Các khoản phải trả, phải nộp khác**a/ Ngắn hạn**

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Kinh phí công đoàn | 43.908.900 | 92.283.860 |
| Cổ tức phải trả | 11.777.172.450 | 23.029.234.950 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 107.000.000 | 107.000.000 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 197.107.341 | 207.240.000 |
| Cộng | 12.125.188.691 | 23.435.758.810 |

b/ Dài hạn

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------------|----------------------|----------------------|
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 3.392.390.000 | 3.392.390.000 |
| Cộng | 3.392.390.000 | 3.392.390.000 |

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 – 217 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng |
|--------------------------------------|---------------------------|----------------------|------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------|
| Số dư đầu năm trước | 150.000.000.000 | 42.088.848.102 | (55.823.611.800) | 22.346.136.531 | 81.133.802.189 | 239.745.175.022 |
| Lợi nhuận trong năm trước | | | | | 33.094.491.923 | 33.094.491.923 |
| Phân phối lợi nhuận trong năm trước | | | | 1.237.826.612 | (36.171.582.658) | (34.933.756.046) |
| - <i>Quỹ đầu tư phát triển</i> | | | | 1.237.826.612 | (1.237.826.612) | - |
| - <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i> | | | | | (928.369.734) | (928.369.734) |
| - <i>Quỹ thưởng Ban điều hành</i> | | | | | (345.386.312) | (345.386.312) |
| - <i>Chia cổ tức trong năm trước</i> | | | | | (33.660.000.000) | (33.660.000.000) |
| Số dư cuối năm trước | 150.000.000.000 | 42.088.848.102 | (55.823.611.800) | 23.583.963.143 | 78.056.711.454 | 237.905.910.899 |
| Số dư đầu năm nay | 150.000.000.000 | 42.088.848.102 | (55.823.611.800) | 23.583.963.143 | 78.056.711.454 | 237.905.910.899 |
| Lợi nhuận trong kỳ này | | | | | 15.336.920.001 | 15.336.920.001 |
| Phân phối lợi nhuận trong kỳ (*) | | | | 1.323.779.677 | (13.869.194.112) | (12.545.414.435) |
| - <i>Quỹ đầu tư phát triển</i> | | | | 1.323.779.677 | (1.323.779.677) | - |
| - <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i> | | | | | (992.834.758) | (992.834.758) |
| - <i>Quỹ thưởng Ban điều hành</i> | | | | | (332.579.677) | (332.579.677) |
| - <i>Chia cổ tức trong kỳ</i> | | | | | (11.220.000.000) | (11.220.000.000) |
| Số dư cuối kỳ này | 150.000.000.000 | 42.088.848.102 | (55.823.611.800) | 24.907.742.820 | 79.524.437.343 | 240.697.416.465 |

(*) Trong kỳ Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 78 ngày 18/05/2024 và tạm chỉ cổ tức đợt 1 năm 2024 theo Nghị quyết số 83/NQ-HĐQT ngày 12/06/2024 với tỷ lệ 10% vốn cổ phần.



CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 – 217 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| b/ Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|---|-------------|------------------------|-------------|------------------------|
| | Tỷ lệ | VND | Tỷ lệ | VND |
| Ông Lê Văn Phải | 20,63% | 30.946.870.000 | 20,63% | 30.946.870.000 |
| Công ty CP VLXD và TTNT TP.HCM (CP quy) | 25,20% | 37.800.000.000 | 25,20% | 37.800.000.000 |
| Vốn góp của đối tượng khác | 54,17% | 81.253.130.000 | 54,17% | 81.253.130.000 |
| Cộng | 100% | 150.000.000.000 | 100% | 150.000.000.000 |

c/ Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------|-----------------------------------|-----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| + Vốn góp đầu năm | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 |
| + Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| + Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| + Vốn góp cuối năm | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 11.220.000.000 | 11.220.000.000 |

| d/ Cổ phiếu | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|------------|
| - Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 15.000.000 | 15.000.000 |
| - Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ | 15.000.000 | 15.000.000 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 15.000.000 | 15.000.000 |
| - Số lượng cổ phiếu được mua lại | 3.780.000 | 3.780.000 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 3.780.000 | 3.780.000 |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 11.220.000 | 11.220.000 |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 11.220.000 | 11.220.000 |

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 đồng/ Cổ phiếu

| e/ Các quỹ của doanh nghiệp | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 24.907.742.820 | 23.583.963.143 |
| Cộng | 24.907.742.820 | 23.583.963.143 |

| 19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|--|----------------|----------------|
| 1. Nợ khó đòi đã xử lý | 11.235.483.813 | 11.235.483.813 |

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 – 217 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Doanh thu bán hàng hóa | 340.042.251.160 | 497.086.414.956 |
| Doanh thu dịch vụ và cho thuê tài sản | 5.365.282.827 | 5.335.999.992 |
| Cộng | 345.407.533.987 | 502.422.414.948 |

| 2. Giá vốn hàng bán | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-------------------------------------|-----------------------------------|------------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 306.143.423.666 | 445.838.860.991 |
| Giá vốn dịch vụ và cho thuê tài sản | 1.107.503.515 | 1.107.503.515 |
| Cộng | 307.250.927.181 | 446.946.364.506 |

| 3. Doanh thu hoạt động tài chính | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 1.255.646.568 | 3.333.933.445 |
| Chiết khấu thanh toán | 1.541.849.380 | 1.747.166.328 |
| Lãi bán hàng trả chậm | 68.002.706 | 47.487.767 |
| Cộng | 2.865.498.654 | 5.128.587.540 |

| 4. Chi phí hoạt động tài chính | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 2.563.336.656 | 3.360.594.496 |
| Trích lập/(Hoàn nhập) DP giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | (120.960.000) | (884.520.000) |
| Cộng | 2.442.376.656 | 2.476.074.496 |

| 5. Chi phí bán hàng | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nhân công | 4.907.237.745 | 6.015.766.864 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 438.696.650 | 438.696.647 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 11.009.321.322 | 18.230.280.642 |
| Chi phí khác bằng tiền | 150.629.459 | 162.800.249 |
| Cộng | 16.505.885.176 | 24.847.544.402 |

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 – 217 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nhân công | 3.324.611.830 | 4.063.884.576 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 328.345.080 | 328.345.080 |
| Thuế, phí và lệ phí | 1.754.233.263 | 1.634.641.357 |
| Trích lập/(Hoàn nhập) DP nợ phải thu khó đòi | (4.851.834.547) | 3.777.297.605 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 753.084.317 | 365.733.824 |
| Chi phí khác bằng tiền | 920.869.570 | 644.173.426 |
| Cộng | 2.229.309.513 | 10.814.075.868 |

| 7. Thu nhập khác | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-------------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi từ thanh lý TSCĐ | - | - |
| Các khoản thu nhập khác | 148.015.139 | 124.252.947 |
| Cộng | 148.015.139 | 124.252.947 |

| 8. Chi phí khác | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tiền thuê đất các năm trước nộp bổ sung | 669.676.280 | - |
| Chi tiền phạt chậm nộp, phạt vi phạm hành chính | 33.082.541 | 85.000.000 |
| Chi phí khác | 86.665.137 | 966.793.990 |
| Cộng | 789.423.958 | 1.051.793.990 |

| 9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 131.599.045 | 91.712.738 |
| Chi phí nhân công | 8.231.849.575 | 10.079.651.440 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 1.018.723.229 | 1.018.723.226 |
| Trích lập/(Hoàn nhập) DP nợ phải thu khó đòi | (4.851.834.547) | 3.777.297.605 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 11.762.405.639 | 18.596.014.466 |
| Chi phí khác bằng tiền | 3.549.955.263 | 3.205.724.310 |
| Cộng | 19.842.698.204 | 36.769.123.785 |

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 – 217 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Bảng tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 19.203.125.296 | 21.539.402.173 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN | 127.901.179 | 1.168.244.500 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 127.901.179 | 1.168.244.500 |
| + Chi phí không được khấu trừ | 127.901.179 | 1.168.244.500 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Tổng lợi nhuận tính thuế | 19.331.026.475 | 22.707.646.673 |
| Thuế suất Thuế TNDN | 20% | 20% |
| Tổng cộng chi phí thuế TNDN hiện hành | 3.866.205.295 | 4.541.529.335 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN | 15.336.920.001 | 16.997.872.838 |
| Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | (613.476.800) | (679.914.913) |
| - Các khoản điều chỉnh giảm (*) | 613.476.800 | 679.914.913 |
| + Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | 460.107.600 | 509.936.185 |
| + Trích thưởng Ban điều hành | 153.369.200 | 169.978.728 |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 14.723.443.201 | 16.317.957.925 |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ | 11.220.000 | 11.220.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP) | 1.312 | 1.454 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đ/CP) (**) | 1.312 | 1.454 |

(*) Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trong kỳ này là phần tạm tính sẽ trích quỹ khen thưởng phúc lợi với tỷ lệ 3% lợi nhuận sau thuế và trích quỹ thưởng ban điều hành là 1% lợi nhuận sau thuế trong kỳ.

(**) Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này.

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 – 217 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin về các bên liên quan**

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt trong năm như sau:

| Thành viên Hội đồng quản trị | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------------------|-------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| Thù lao | | | |
| Ông Trương Minh Tuyên | Chủ tịch HĐQT | 105.479.500 | 119.675.352 |
| Ông Lê Văn Phải | Phó Chủ tịch HĐQT | 84.386.000 | 147.550.628 |
| Ông Thái Thanh Sơn | Thành viên HĐQT | 70.321.000 | 114.324.199 |
| Ông Huỳnh Ngọc Khánh | Thành viên HĐQT | 70.321.000 | 79.785.567 |
| Bà Lê Kim Trinh | Thành viên HĐQT | 70.322.177 | 79.785.567 |
| Cộng | | 400.829.677 | 541.121.313 |

| Ban kiểm soát | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|------------|-----------------------------------|--------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác | | | |
| Bà Vũ Phi Bằng | Trưởng ban | 6.825.000 | 184.309.500 |
| Bà Võ Thị Ánh Loan | Thành viên | 164.580.000 | 145.816.500 |
| Bà Châu Thùy Mỹ | Thành viên | 55.263.375 | 78.361.200 |
| Cộng | | 226.668.375 | 408.487.200 |

| Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-------------------------------------|-------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | | Năm nay | Năm trước |
| Lương, thưởng và phúc lợi khác | | | |
| Ông Lê Văn Phải | Tổng Giám đốc | 391.540.000 | 396.500.000 |
| Ông Thái Thanh Sơn | Phó Tổng Giám đốc | 284.678.000 | 288.637.999 |
| Ông Huỳnh Ngọc Khánh | Phó Tổng Giám đốc | 284.689.000 | 290.591.000 |
| Bà Phạm Thị Bắc Giang | Kế toán trưởng | 233.540.000 | 240.500.000 |
| Cộng | | 1.194.447.000 | 1.216.228.999 |

Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Giá trị giao dịch (VND) |
|---|---------------|------------------------------|--------------------------------|
| Công ty TNHH Xây Dựng Dịch Vụ TM Kiến Thành | Bên liên quan | Bán hàng (đã gồm VAT) | 4.880.329.327 |
| Ông Lê Văn Phải | Bên liên quan | Chia cổ tức Cổ tức đã chi | 3.094.687.000 6.189.374.000 |

Cho đến ngày 30/06/2024, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Giá trị khoản phải thu/(phải trả) (VND) |
|-------------------|---------------|--------------------|---|
| Ông Lê Văn Phải | Bên liên quan | Phải trả cổ tức | (3.094.687.000) |

2. Báo cáo bộ phận**a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh vật liệu xây dựng, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý:

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam nên không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 – 217 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Công cụ tài chính

| a) Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính | Số cuối kỳ | | Số đầu năm | |
|--|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá trị ghi số | Dự phòng | Giá trị ghi số | Dự phòng |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 34.437.979.307 | - | 22.682.367.949 | - |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác, phải thu cho vay | 263.161.722.097 | (18.567.278.056) | 325.279.454.064 | (23.419.112.603) |
| Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn/dài hạn | 330.000.000 | - | 330.000.000 | - |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn/dài hạn | 2.888.000.000 | (952.640.000) | 2.888.000.000 | (1.073.600.000) |
| Cộng | 300.817.701.404 | (19.519.918.056) | 351.179.822.013 | (24.492.712.603) |

Nợ phải trả tài chính

| Phải trả người bán và phải trả khác Chi phí phải trả Nhận ký quỹ, ký cược ngắn/dài hạn Các khoản nợ vay | Giá trị ghi số | |
|--|-----------------------|------------------------|
| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
| | 12.798.927.210 | 24.492.838.193 |
| | 561.168.945 | 1.269.988.862 |
| | 3.499.390.000 | 3.499.390.000 |
| | 50.064.035.000 | 97.428.603.400 |
| Cộng | 66.923.521.155 | 126.690.820.455 |

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 – 217 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**b) Tài sản đảm bảo**

Giá trị còn lại của tài sản đảm bảo thế chấp cho đơn vị khác vào ngày đầu năm và ngày cuối kỳ như sau:

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| TSCĐ hữu hình - Nhà cửa, vật kiến trúc | 6.266.024.283 | 6.603.302.481 |
| TSCĐ vô hình - Quyền sử dụng đất | 7.538.400.000 | 7.538.400.000 |
| Bất động sản đầu tư - Giá trị tài sản trên đất | 10.019.508.342 | 10.266.805.404 |
| Các khoản phải thu khách hàng | 260.978.767.118 | 293.446.025.287 |
| Cộng | <u>284.802.699.743</u> | <u>317.854.533.172</u> |

c) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan: Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính là:

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro thị trường

c.1) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn.

Các khoản nợ xấu (nếu có) đã được kiểm soát và lập dự phòng đầy đủ.

c.2) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 – 217 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

| | Từ 01 năm trở xuống | Trên 01 năm | Cộng |
|--------------------|--------------------------------|----------------------|------------------------|
| Số cuối kỳ | 63.531.131.155 | 3.392.390.000 | 66.923.521.155 |
| Các khoản vay | 50.064.035.000 | - | 50.064.035.000 |
| Phải trả người bán | 824.647.419 | - | 824.647.419 |
| Phải trả khác | 12.081.279.791 | 3.392.390.000 | 15.473.669.791 |
| Chi phí phải trả | 561.168.945 | - | 561.168.945 |
| Số đầu năm | 123.298.430.455 | 3.392.390.000 | 126.690.820.455 |
| Các khoản vay | 97.428.603.400 | - | 97.428.603.400 |
| Phải trả người bán | 1.256.363.243 | - | 1.256.363.243 |
| Phải trả khác | 23.343.474.950 | 3.392.390.000 | 26.735.864.950 |
| Chi phí phải trả | 1.269.988.862 | - | 1.269.988.862 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

c.3) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 215 – 217 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán và soát xét.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2024

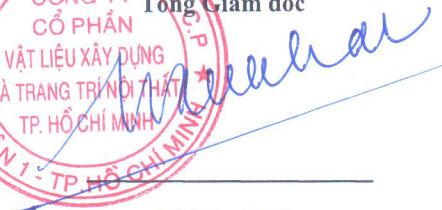
Người lập biểu/ Kế toán trưởng



Phạm Thị Bắc Giang



Tổng Giám đốc



Lê Văn Phải